



## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN DECLARATION FORM FOR INDIVIDUAL

Để Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) (“**Ngân Hàng**”) đánh giá và xem xét tín dụng, tôi xác nhận những thông tin sau:

*For the purpose of the HSBC Bank (Vietnam) Ltd. (Bank) credit assessment and consideration, I would like to confirm the following information:*

### **Điều 1: Xác nhận của Khách Hàng về Người và Tổ chức có liên quan** **Article 1: Customers’ acknowledgement on Related Parties**

- Tôi xác nhận Người & Tổ chức có liên quan của tôi theo định nghĩa ở điều 1 của Phụ lục này không có quan hệ tín dụng với Ngân Hàng.**

*I confirm that my Related Parties based on definition provided on article 1 of this Appendix do not have any relationship with The Bank with total credit facility.*

- Tôi xác nhận Người & Tổ chức có liên quan của tôi theo định nghĩa ở điều 1 của Phụ lục này có quan hệ tín dụng với Ngân Hàng (Vui lòng điền thông tin của người có liên quan vào Điều 2 của Phụ lục này).**

*I confirm that my Related Parties based on definition provided on article 1 of this Appendix have relationship with The Bank with total credit facility (information declared on Article 2 of this Appendix).*

### **Danh sách Người có liên quan của một cá nhân được quy định theo Điều 4.24 Luật các tổ chức tín dụng 2024**

*Related Parties of applicant(s) definition under the Article 4.24 Law of Credit Institution 2024*

Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

*Related person means an organization or individual that has a direct or indirect relationship with another organization or individual in one of the following cases:*

a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

*Parent company with subsidiaries and vice versa; parent company with subsidiary of subsidiary and vice versa; credit institutions with subsidiaries of credit institutions and vice versa; credit institutions with subsidiaries of subsidiaries of credit institutions and vice versa; subsidiaries of the same parent company or of the same credit institution together; subsidiaries of subsidiaries of the same parent company or of the same credit institution together; managers, controllers, members of the Board of Controllers of the parent company or of a credit institution, an individual or organization competent to appoint these persons with subsidiaries and vice versa;*

b. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

*The company or credit institution with managers, controllers, members of the board of controllers of that company or credit institution or with the company or organization competent to appoint such persons and vice versa;*

c. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

*The company or credit institution with an organization or individual owning five (5%) or more of the charter capital or voting share capital in that company or credit institution and vice versa;*

d. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

*Individuals with spouses; natural parents, adoptive parents, stepfathers, stepmothers, parents-in-law (mother's side), parents-in-law (father's side); biological children, adopted children, stepchildren of spouses, daughters-in-law, sons-in-law; brothers, sisters, half-siblings, half-brothers, half-sisters, brothers-in-law, brothers-in-law of half-parents, sisters-in-law, sister-in-law of half-parents, sister-in-law of the same parent or half-father or half-mother-in-law (hereinafter referred to as spouse, father, mother, child, brother, sister, brother); paternal grandparents, maternal grandparents; great-grandchildren; maternal uncles, maternal aunts, paternal uncles, paternal uncles and nephews;*

đ. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

*The company or credit institution with an individual having the relationship specified at Point d of this Clause with managers, controllers, members of the board of controllers, capital-contributing members or shareholders owning five (5%) or more of the charter capital or voting share capital of that company or credit institution and vice versa;*

e. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

*The authorized individual represents the capital contribution to the organization or individual specified at Points a, b, c, d and đ of this Clause with the authorized organization or individual; individuals authorized to represent the capital contribution of the same organization together;*

g. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

*Other legal entities and individuals having potentially risky relationships for the operation of credit institutions or foreign bank branches determined according to internal regulations of*

credit institutions or foreign bank branches or at the written request of the State Bank through inspection and supervisory activities.

## Điều 2: Thông tin của Người có liên quan

Article 2: Information of Related parties

### a. Người có liên quan là cá nhân

Individual related parties:

STT No.	Họ và Tên Full Name	Thẻ Căn Cước/ CCCD/CMND (*) Citizen Card/ Citizen ID/ National ID No. (*)	(Dành cho người nước ngoài) Quốc tịch Số Hộ Chiếu Ngày cấp / Nơi cấp (For foreigners) Nationality Passport No. Issuance Date and Place	Mối quan hệ Relationship

(\*) CMND sẽ hết hiệu lực sử dụng vào ngày 31/12/2024/ National ID will be expired by 31/12/2024

### b. Người có liên quan là tổ chức:

Organization related parties:

STT No.	Tên Company Name	Mã số doanh nghiệp Company Registered Number	Địa chỉ trụ sở chính Company Registered Address	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương Registration Number or equivalent document	Người đại diện theo pháp luật Legal Representative	Mối quan hệ Relationship

## Điều 3: Thông tin dành cho Khách hàng tham gia Thỏa thuận pháp lý (\*)

Article 3: Information used to identify customers involving in any Legal arrangement(s) (\*)

Tôi xác nhận rằng tôi đang không tham gia vào bất kỳ Thỏa thuận pháp lý nào dưới danh nghĩa người được ủy thác, ủy quyền.

*I confirm that I am currently not involved in any Legal arrangement(s) as an entrusted or authorized party.*

Tôi cam kết như sau:

*My undertaking is as follows:*

- a. Thư xác nhận này và tất cả các thông tin liên quan đến thư xác nhận này đều chính xác, đầy đủ và cập nhật nhất/*This declaration and all related information therein are accurate, complete and up-to-date.*
- b. Tôi sẽ cung cấp thêm cho Ngân Hàng những tài liệu hỗ trợ cho thư xác nhận này theo yêu cầu của Ngân Hàng/*I will provide the Bank with further supporting documents on this declaration at your request.*
- c. Tôi sẽ ngay lập tức thông báo cho Ngân Hàng bất kỳ thay đổi nào đối với các thông tin nêu trên/*I will immediately inform the Bank of any changes of the information contained therein.*

(\*) Thỏa thuận pháp lý là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận.

*Legal arrangement refers to a trust or any other similar legal arrangement recognized and established by foreign laws, under which the trustee is allowed to acquire the legal ownership and control of the property through the transfer process from the settlor/grantor to conduct the operation, management and supervision of such property for the benefit of the beneficiary or for the agreed purposes.*

Chữ Ký/ <i>Signature:</i>	
Họ tên/ <i>Full Name:</i>	Thẻ Căn Cước/CCCD/Số CCCD/Số CMND/Hộ chiếu <i>Citizen Card/Citizen ID/National ID/Passport No.</i>
Ngày/ <i>Date:</i>	Số tài khoản/Số thẻ tín dụng/ <i>Account number/Credit card number:</i>